

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC BÌNH
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/HNGĐ-ST

Ngày 19-6-2018

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC BÌNH, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lương Ngọc Hải

Ông Vi Văn Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hạnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Chu Văn Tới - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2017/TLST – HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2018 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hà Thị B, sinh năm 1985. Cư trú tại: Thôn S, xã X, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- Bị đơn: Anh Vi Văn M, sinh năm 1985. Cư trú tại: Thôn S, xã X, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Hà Thị B trình bày: Giữa chị và anh Vi Văn M chung sống vợ chồng cùng nhau từ cuối năm 2003 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán nhưng không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nên hai bên đã không đi đăng ký kết hôn. Trong cuộc sống do quan điểm, lối sống, tính cách khác biệt nhau nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi cọ, thậm trí đánh đập nhau và anh chị đã sống ly thân nhau gần 02 năm nay, hai bên không còn sự quan tâm đến nhau. Nay chị Hà Thị B xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, quan hệ hôn nhân không thể tiếp tục

được nữa, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vi Văn M. Khi ly hôn chị sẽ nuôi dưỡng cháu Vi Văn D, sinh ngày 27 tháng 8 năm 2006 còn anh Vi Văn M sẽ nuôi dưỡng cháu Vi Văn T, sinh ngày 15 tháng 10 năm 2004 đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Do mỗi người đã nuôi một con chung nên chị không yêu cầu anh Vi Văn M phải cấp dưỡng nuôi con. Trong quá trình chung sống chị và anh Vi Văn M không có tài sản chung, không có nợ ai.

Theo hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn anh Vi Văn M trình bày: Anh và chị Hà Thị B chung sống vợ chồng cùng nhau từ cuối năm 2003 nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn. Tuy vợ chồng có mâu thuẫn đã lâu, có sống ly thân nhau một thời gian nhưng anh đề nghị chị Hà Thị B rút đơn ly hôn để vợ chồng về tiếp tục cùng nhau chung sống. Nếu vợ chồng không về đoàn tụ mà ly hôn thì chị Hà Thị B sẽ nuôi dưỡng cháu Vi Văn D, sinh ngày 27 tháng 8 năm 2006 còn anh sẽ nuôi dưỡng cháu Vi Văn T, sinh ngày 15 tháng 10 năm 2004 đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Do mỗi người đã nuôi một con chung nên anh không yêu cầu chị Hà Thị B phải cấp dưỡng nuôi con. Trong quá trình chung sống anh và chị Hà Thị B không có tài sản chung, không có nợ ai.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án cụ thể như sau: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thành phần tham gia xét xử tại phiên tòa đúng với thành phần Hội đồng xét xử được ghi trong Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án như xác định đúng thẩm quyền, đúng tư cách các đương sự Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ cùng tài liệu chứng cứ được công khai tại phiên tòa thấy: Chị Hà Thị B và anh Vi Văn M chung sống vợ chồng cùng nhau từ cuối năm 2003 trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán nhưng không đăng ký kết hôn nên áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 đề nghị không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hà Thị B và anh Vi Văn M. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Hà Thị B và anh Vi Văn M thỏa thuận: Nếu vợ chồng ly hôn thì chị Hà Thị B sẽ nuôi dưỡng cháu Vi Văn D, anh Vi Văn M sẽ nuôi dưỡng cháu Vi Văn T, thỏa thuận của anh chị cũng phù hợp với nguyện vọng của 02 cháu và phù hợp với các quy định của pháp luật nên áp dụng khoản 1 Điều 81, khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 đề nghị công nhận sự thỏa thuận đó. Do mỗi người đã nuôi 01 con chung nên không ai có yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con. Chị Hà Thị B và anh Vi Văn M không có tài sản chung và nợ chung. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Hà Thị B và anh Vi Văn M chung sống vợ chồng cùng nhau từ cuối năm 2003, trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu nhau, có cưới hỏi theo phong tục tập quán nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi về chung sống do phát sinh mâu thuẫn nên kể từ đó cho đến nay hai người đã không thực hiện việc đi đăng ký kết hôn theo luật định. Cả hai anh chị đều thừa nhận: Vợ chồng sau một thời gian chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được; hai bên sống ly thân nhau đã nhiều tháng nay, vợ chồng không còn có sự quan tâm đến nhau. Hiện chị Hà Thị B xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vi Văn M. Yêu cầu của chị Hà Thị B đưa ra không được anh Vi Văn M chấp nhận, anh Vi Văn M mong muốn chị Hà Thị B rút đơn ly hôn để vợ chồng tiếp tục cùng nhau chung sống. Tòa án thấy: Do chị Hà Thị B và anh Vi Văn M chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hà Thị B và anh Vi Văn M.

[2] Trong quá trình chung sống chị Hà Thị B và anh Vi Văn M có hai người con chung là cháu Vi Văn T, sinh ngày 15 tháng 10 năm 2004 và cháu Vi Văn D, sinh ngày 27 tháng 8 năm 2006. Khi ly hôn chị Hà Thị B đề nghị được nuôi dưỡng cháu Vi Văn D, còn cháu Vi Văn T sẽ để cho anh Vi Văn M nuôi dưỡng. Tại phiên tòa anh Vi Văn M nhất trí nếu vợ chồng không tiếp tục chung sống cùng nhau thì anh sẽ nuôi dưỡng cháu Vi Văn T còn cháu Vi Văn D sẽ để cho chị Hà Thị B nuôi dưỡng. Do cháu Vi Văn D và cháu Vi Văn T đã trên 07 tuổi nên Tòa án đã hỏi nguyện vọng của các cháu. Tại Bản khai ngày 15/5/2018, cháu Vi Văn T có nguyện vọng được ở với anh Vi Văn M, cháu Vi Văn D có nguyện vọng được ở với chị Hà Thị B khi bố mẹ ly hôn. Do các bên đương sự đã thống nhất và thỏa thuận được về người trực tiếp nuôi con chưa thành niên, thỏa thuận này là phù hợp với quy định của pháp luật và đạo đức xã hội. Theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án công nhận thỏa thuận này. Do chị Hà Thị B và anh Vi Văn M mỗi người đã nuôi dưỡng một con chung và hai bên không yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét. Chị Hà Thị B và anh Vi Văn M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[3] Trong quá trình chung sống chị Hà Thị B và anh Vi Văn M không có tài sản chung, không có nợ chung nên Tòa án không xem xét.

[4] Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Hà Thị B phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước. Ngày 09 tháng 5 năm 2018, chị Hà Thị B đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2012/01225 tại Chi

cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Chị Hà Thị B đã nộp đủ tiền án phí.

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, 15, 53, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hà Thị B và anh Vi Văn M (do không có đăng ký kết hôn).

2. Về trách nhiệm nuôi dưỡng con chung: Công nhận sự thoả thuận của chị Hà Thị B và anh Vi Văn M về trách nhiệm nuôi dưỡng con chung cụ thể như sau:

Chị Hà Thị B được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là cháu Vi Văn D, sinh ngày 27 tháng 8 năm 2006 đến khi cháu Vi Văn D đủ 18 tuổi.

Anh Vi Văn M được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là cháu Vi Văn T, sinh ngày 15 tháng 10 năm 2004 đến khi cháu Vi Văn T đủ 18 tuổi.

Chị Hà Thị B và anh Vi Văn M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Hà Thị B và anh Vi Văn M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản và nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Hà Thị B phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước. Ngày 09 tháng 5 năm 2018, chị Hà Thị B đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2012/01225 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Chị Hà Thị B đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND hLộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS huyện L, tỉnh Lạng Sơn
- UBND xã X, huyện L, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
-
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Hoa